

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2021.

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thực;

Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đồi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1171/2021/QĐXXST-DS ngày 19/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ái Ch**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 3 Stutz Place, Ingleburn NSW 2565, Sydney, Austrlia, (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Dương Thanh H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 516 Lô S đường Đoàn Văn Bơ, Phường 9, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 19/01/2021, nguyên đơn bà Trần Thị Ái Ch trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, bà Ch và ông Dương Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 01, ngày 29/10/1993. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng những năm gần đây có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó bà Ch đi nước ngoài định cư, từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến

nay. bà Ch xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: bà Ch khai bà và ông H có 03 người con chung gồm: Dương Hoàng Anh Tuấn, sinh ngày 25/11/1994; Dương Hoàng Khương Duy, sinh ngày 04/12/1996; Dương Quỳnh Phương Vy, sinh ngày 06/3/2002. Các con chung đã thành niên nên bà Ch không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà Ch đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản tự khai ngày 23/3/2021, bị đơn ông Dương Thanh H trình bày: ông H xác nhận những lời trình bày của bà Ch về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà Ch yêu cầu ly hôn, ông đồng ý. Đồng thời, ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, bà Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H và bà Ch hiện đang cư trú tại 3 Stutz Place, Ingleburn NSW 2565, Sydney, Austrlia nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt, Giấy ủy quyền của bà Trần Thị Ái Ch đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ái Ch, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua lời trình bày của bà Ch và ông H, có cơ sở xác định: bà Ch và ông H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/1993, tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông H là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải hòa, bà Ch đã định cư ở nước ngoài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông H, ông H cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Ch và ông H.

- Về con chung: bà Ch và ông H có 03 người con chung gồm: Dương Hoàng Anh Tuấn, sinh ngày 25/11/1994; Dương Hoàng Khương Duy, sinh ngày 04/12/1996; Dương Quỳnh Phương Vy, sinh ngày 06/3/2002. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà Ch và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Ái Ch chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Ái Ch**, sinh năm 1970 và ông **Dương Thanh H**, sinh năm 1969.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/1993 cho bà Trần Thị Ái Ch và ông Dương Thanh H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: bà Ch và ông H có 03 người con chung gồm: Dương Hoàng Anh Tuấn, sinh ngày 25/11/1994; Dương Hoàng Khương Duy, sinh ngày 04/12/1996; Dương Quỳnh Phương Vy, sinh ngày 06/3/2002. Các con chung đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Ái Ch chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Ch đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093691 ngày 25/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. bà Ch đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Bà Trần Thị Ái Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Dương Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Quận 4, TP.HCM;
- UBND Phường 9, Quận 4, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đời-Tr), 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang



